

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
T Đ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - H1 phúc

Bản án số: 33/2023/HS-ST
Ngày: 27-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C-T Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Anh Việt và ông Nguyễn Hùng Cường;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:

Ông Cao Hoàng Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, T Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L số 30/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Ng**; Tên gọi khác: Tơ; sinh ngày 25/6/1988, tại T Đ; Nơi cư trú: ấp Phú TH1, xã Phú Hựu, huyện C, T Đ; Nghề ngH: làm vườn; Trình độ học vấn: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Văn Hồng, sinh năm 1963 và bà: Huỳnh Kim An, sinh năm 1961; Vợ: Lê Thị Thùy Linh, sinh năm 1989 (đã ly hôn); Con: Nguyễn Thế Vinh, sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ hình sự ngày 30/8/2022 đến ngày 07/9/2022 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi N vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1970, ngụ ấp Hòa Trung, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966, ngụ ấp Hòa Trung, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
3. Bà Võ Kim H, sinh năm 1954, ngụ ấp Hòa An, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
4. Ông Trần Minh H, sinh năm 1975, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;

5. Bà Trương Thị L, sinh năm 1962, ngụ ấp Hòa Quới, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
6. Bà Trần Kim H, sinh năm 1977, ngụ ấp Hòa H, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
7. Bà Đặng Thị U, sinh năm 1970, ngụ ấp Hòa Hưng, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
8. Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1978, ngụ ấp Hòa Hưng, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
9. Ông Lâm Anh B, sinh năm 1966, ngụ ấp Hòa Quới, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
10. Bà Trương Ngọc T, sinh năm 1964, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
11. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963, ngụ ấp Hòa An, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
12. Bà Đào Thu H1, sinh năm 1969, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
13. Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1971, ngụ ấp Hòa Quới, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
14. Bà Từ Thị Kim O, sinh năm 1974, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
15. Bà Trương Thị U, sinh năm 1945, ngụ ấp Hòa Quới, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
16. Chị Huỳnh Thu Tr, sinh năm 1988, ngụ ấp Hòa Quới, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
17. Chị Nguyễn Thị Thảnh, sinh năm 1981, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
18. Cho anh Ngô Minh N, sinh năm 2006, ngụ ấp Hòa An, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
19. Bà Lữ Tú Tr, sinh năm 1973, ngụ ấp Hòa An, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
20. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1953, ngụ ấp Hòa H, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
21. Bà Từ Thị Kim Y, sinh năm 1971, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
22. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
23. Chị Trần Thị T T1, sinh năm 1996, ngụ ấp Hòa An, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
24. Ông Trần Phú H, sinh năm 1971, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
25. Bà Huỳnh Thị Hoàng D, sinh năm 1973, ngụ ấp Hòa Quới, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
26. Anh Nguyễn Thích N, sinh năm 1978, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;

27. Bà Đinh Thị L1, sinh năm 1969, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
28. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1977, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
29. Chị Nguyễn Thị KH, sinh năm 1982, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
30. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1975, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
31. Chị Lê Thị TH, sinh năm 1979, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
32. Chị Phan Thị Hồng Nh, sinh năm 1983, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
33. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1973, ngụ ấp Hòa An, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
34. Chị Võ Kim L2 (Võ Thị Hồng), sinh năm 1978, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
35. Chị Võ Thị Kim L3, sinh năm 1985, ngụ ấp Đông Hưng 1, xã Đông TH4nh, thị xã Bình Minh, T Vĩnh Long (nơi ở hiện tại: ấp Hòa Quới, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
36. Cho anh Đinh Phúc T, sinh năm 1976, ngụ ấp Hòa An, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
37. Chị Đồng Thị Mỹ Tr, sinh năm 1993, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
38. Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1977, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
39. Bà Phạm P2 Đ3, sinh năm 1976, ngụ ấp P2 An, xã T Liễu, huyện Gò Quao, T Kiên Giang (chỗ ở hiện tại: ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ;
40. Chị Lê Thị Hiếu N, sinh năm 2001, ngụ ấp Phú Hội Xuân, xã Phú Long, huyện C, T Đ;
41. Chị Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1992, ngụ ấp Phú TH1, xã Phú Long, huyện C, T Đ;
42. Bà Lâm Minh H1, sinh năm 1966, ngụ ấp Phú TH1, xã Phú Long, huyện C, T Đ;
43. Anh Phạm Văn C, sinh năm 1985, ngụ ấp Phú TH1, xã Phú Long, huyện C, T Đ;
44. Bà Lê Thị P, sinh năm 1968, ngụ ấp Phú TH1, xã Phú Long, huyện C, T Đ;
45. Bà Lâm Minh L, sinh năm 1971, ngụ ấp Phú TH1, xã Phú Long, huyện C, T Đ;
46. Bà Lê Thị Đ1, sinh năm 1970, ngụ ấp Phú Hội Xuân, xã Phú Long, huyện C, T Đ;
47. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958, ngụ ấp Phú Hội Xuân, xã Phú Long, huyện C, T Đ;
48. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976, ngụ ấp Phú Hội Xuân, xã Phú Long, huyện C, T Đ;

49. Bà Lê Thị O, sinh năm 1975, ngụ ấp Phú Hội Xuân, xã Phú Long, huyện C, T Đ;
50. Chị Lê Thị H1, sinh năm 1978, ngụ ấp Phú Hội Xuân, xã Phú Long, huyện C, T Đ;
51. Ông Trần Văn Đông, sinh năm 1967, ngụ ấp Phú Hội Xuân, xã Phú Long, huyện C, T Đ;
52. Anh Nguyễn H Q, sinh năm 1981, ngụ ấp Phú Hội Xuân, xã Phú Long, huyện C, T Đ;
53. Cho bà Nguyễn Thị Năm, sinh năm 1960, ngụ ấp Phú Hội Xuân, xã Phú Long, huyện C, T Đ;
54. Anh Nguyễn Minh Luân, sinh năm 1988, ngụ ấp Phú Bình, xã Phú Hựu, huyện C, T Đ (nơi ở hiện tại: ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ);
55. Chị Nguyễn Thị Kim XuY, sinh năm 1988, ngụ ấp Phú Bình, xã Phú Hựu, huyện C, T Đ;
56. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1967, ngụ ấp Phú Bình, xã Phú Hựu, huyện C, T Đ;
57. Bà Huỳnh Xuân K, sinh năm 1973, ngụ ấp Phú Bình, xã Phú Hựu, huyện C, T Đ;
58. Chị Phạm Kim P, sinh năm 1990, ngụ ấp Phú Bình, xã Phú Hựu, huyện C, T Đ;
59. Anh Dương Văn E, sinh năm 1988, ngụ ấp Phú Bình, xã Phú Hựu, huyện C, T Đ;
60. Cho bà Huỳnh Thị U, sinh năm 1967, ngụ ấp Phú Bình, xã Phú Hựu, huyện C, T Đ;
61. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1959, ngụ ấp Phú Bình, xã Phú Hựu, huyện C, T Đ;
62. Chị Tiền Cẩm P2, sinh năm 1979, ngụ ấp Phú Bình, xã Phú Hựu, huyện C, T Đ;
63. Chị Thái Ngọc Châu H1, sinh năm 1981, ngụ ấp Mỹ Hòa, xã Nguyễn Văn T, huyện Bình Tân, T Vĩnh Long;
64. Bà Lê Thị Chính, sinh năm 1972, ngụ ấp Hòa Bình, xã Nguyễn Văn T, huyện Bình Tân, T Vĩnh Long;
65. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1970, ngụ ấp Hòa Bình, xã Nguyễn Văn T, huyện Bình Tân, T Vĩnh Long;

(Người có quyền lợi N vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 29/8/2022, Nguyễn Ngọc Ng điều khiển xe mô tô B số 64K1-289.01 đến quán nước của chị Phạm P2 Đ3, sinh năm 1976, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ để gặp chị Đ3 lấy số tiền góp cho vay là 670.000 đồng thì bị Công an xã Hòa Tân phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, T Đ kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Qua điều tra mở rộng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, T Đ xác định: Từ tháng 11 năm 2021 ngày 29/8/2022, Ng có H4nh vi cho 77 người dân trên địa bàn các xã Hòa Tân, An Khánh, Phú Long, Phú Hựu thuộc huyện C, T Đ và xã Nguyễn Văn T, huyện Bình Tân, T Vĩnh Long vay với 02 hình thức: Một là, người vay đóng lãi H4ng ngày đến khi nào trả hết tiền gốc là xong (gọi là cho vay tiền đứng). Hai là, H4ng ngày người vay góp tiền gốc và tiền lãi đến khi xong (gọi là cho vay tiền góp). Trong đó có 65 người dân vay với mức lãi suất cao gấp từ 05 lần đến 17 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định (là 20% năm), tổng số tiền cho vay là 930.000.000 đồng, thu lợi bất chính là 99.179.246 đồng, cụ thể như sau:

1. Cho chị Trần Thị T, sinh năm 1970, ngụ ấp Hòa Trung, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 05 lần với tổng số tiền là 14.000.000 đồng, lãi suất từ 100%/năm đến 140%/năm, thu lãi là 1.206.667 đồng. Trong đó, tiền lãi hợp pháp là 161.111 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 1.045.556 đồng (BU lục số 88).

2. Cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1966, ngụ ấp Hòa Trung, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 01 lần với số tiền là 2.000.000 đồng, lãi suất 100%/năm, thu lãi là 400.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 66.667 đồng, thu lợi bất chính 333.333 đồng;

3. Cho bà Võ Kim H, sinh năm 1954, ngụ ấp Hòa An, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất từ 100%/năm, thu lãi là 565.333 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 97.222 đồng, thu lợi bất hợp pháp 468.111 đồng;

4. Cho anh Trần Minh H, sinh năm 1975, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 03 lần với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, lãi suất 140%/năm, thu lãi là 1.200.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 155.556 đồng, thu lợi bất chính 1.044.444 đồng, hiện anh H còn nợ Ng là 5.000.000 đồng.

5. Cho bà Trương Thị L, sinh năm 1962, ngụ ấp Hòa Quới, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 03 lần với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, lãi suất 140%/năm, thu lãi là 522.857 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 67.778 đồng, thu lợi bất chính 455.079 đồng, hiện bà L còn nợ Ng là 1.082.857 đồng;

6. Cho chị Trần Kim H, sinh năm 1977, ngụ ấp Hòa H, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất 140%/năm, thu lãi là 985.715 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 127.778 đồng, thu lợi bất chính 857.937 đồng;

7. Cho chị Đặng Thị U, sinh năm 1970, ngụ ấp Hòa Hưng, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 01 lần với số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất 340%/năm, thu lãi là 5.300.000

đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 294.444 đồng, thu lợi bất chính 5.005.556 đồng, hiện chị U còn nợ Ng là 5.000.000 đồng;

8. Cho chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1978, ngụ ấp Hòa Hưng, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất 140%/năm, thu lãi là 1.200.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 155.556 đồng, thu lợi bất chính 1.044.444 đồng ;

9. Cho ông Lâm Anh B, sinh năm 1966, ngụ ấp Hòa Quới, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 01 lần với số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 1.575.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 175.000 đồng, thu lợi bất chính 1.400.000 đồng;

10. Cho bà Trương Ngọc T, sinh năm 1964, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 01 lần với số tiền là 3.000.000 đồng, lãi suất 140%/năm, thu lãi là 360.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 46.667 đồng, thu lợi bất chính 313.333 đồng;

11. Cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963, ngụ ấp Hòa An, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 03 lần với tổng số tiền là 10.500.000 đồng, lãi suất 100%/năm, thu lãi là 1.446.667 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 241.111 đồng, thu lợi bất chính 1.205.556 đồng;

12. Cho bà Đào Thu H1, sinh năm 1969, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 05 lần với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, lãi suất từ 140%/năm đến 340%/năm, thu lãi là 3.621.428 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 347.222 đồng, thu lợi bất chính 3.274.206 đồng, hiện bà H1 còn nợ Ng là 8.571.429 đồng;

13. Cho chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1971, ngụ ấp Hòa Quới, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 03 lần với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất 100%/năm, thu lãi là 683.333 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 113.889 đồng, thu lợi bất chính 569.444 đồng, hiện chị P còn nợ Ng là 1.583.333 đồng;

14. Cho chị Từ Thị Kim O, sinh năm 1974, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 01 lần với số tiền là 3.000.000 đồng, lãi suất 140%/năm, thu lãi là 154.286 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 20.000 đồng, thu lợi bất chính 134.286 đồng;

15. Cho bà Trương Thị U, sinh năm 1945, ngụ ấp Hòa Quới, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 03 lần với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, lãi suất 100%/năm, thu lãi là 853.333 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 142.222 đồng, thu lợi bất chính 711.111 đồng;

16. Cho chị Huỳnh Thu Tr, sinh năm 1988, ngụ ấp Hòa Quới, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 03 lần với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, lãi suất 140%/năm, thu lãi là 2.142.857 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 277.778 đồng, thu lợi bất chính 1.865.079 đồng;

17. Cho chị Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1981, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 03 lần với tổng số tiền là 18.000.000 đồng, lãi suất 140%/năm, thu lãi là 1.440.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 186.667 đồng, thu lợi bất chính 1.253.333 đồng;

18. Cho anh Ngô Minh N, sinh năm 2006, ngụ ấp Hòa An, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất 100%/năm, thu lãi là 541.667 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 90.278 đồng, thu lợi bất chính 451.389 đồng, hiện anh N còn nợ Ng là 2.291.667 đồng;

19. Cho chị Lữ Tú Tr, sinh năm 1973, ngụ ấp Hòa An, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, lãi suất 100%/năm, thu lãi là 700.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 116.667 đồng, thu lợi bất chính 583.333 đồng;

20. Cho chị Trịnh Thị H, sinh năm 1953, ngụ ấp Hòa H, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất 100%/năm, thu lãi là 608.333 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 101.389 đồng, thu lợi bất chính 506.944 đồng;

21. Cho chị Từ Thị Kim Y, sinh năm 1971, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 2.000.000 đồng, lãi suất 140%/năm, thu lãi là 167.143 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 21.667 đồng, thu lợi bất chính 145.476 đồng, hiện chị Y còn nợ Ng là 607.143 đồng;

22. Cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 03 lần với tổng số tiền là 9.000.000 đồng, lãi suất 140%/năm, thu lãi là 900.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 116.667 đồng, thu lợi bất chính 783.333 đồng.

23. Cho chị Trần Thị T T1, sinh năm 1996, ngụ ấp Hòa An, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 03 lần với tổng số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất 100%/năm, thu lãi là 1.206.667 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 201.111 đồng, thu lợi bất chính 1.005.556 đồng;

24. Cho anh Trần Phú H, sinh năm 1971, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 01 lần với số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất 140%/năm, thu lãi là 407.143 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 52.778 đồng, thu lợi bất chính 354.365 đồng;

25. Cho chị Huỳnh Thị Hoàng D, sinh năm 1973, ngụ ấp Hòa Quới, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 07 lần với tổng số tiền là 112.000.000 đồng, lãi suất từ 100%/năm đến 160%/năm, thu lãi là 18.166.667 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 2.955.556 đồng, thu lợi bất chính 15.211.111 đồng, hiện chị D còn nợ 15.666.667 đồng;

26. Cho anh Nguyễn Thích N, sinh năm 1978, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất 140%/năm, thu lãi là 792.857 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 102.778 đồng, thu lợi bất chính 690.079 đồng, hiện anh N còn nợ 3.392.857 đồng;

27. Cho bà Đinh Thị L1, sinh năm 1969, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất 140%/năm thu lãi là 368.572 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 47.778 đồng, thu lợi bất chính 320.794 đồng, hiện bà L1 còn nợ 1.928.571 đồng.

28. Cho chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1977, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 08 lần với tổng số tiền là 85.000.000 đồng, lãi suất từ 140%/năm đến 340%/năm, thu lãi là 11.828.571 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 1.133.333 đồng, thu lợi bất chính 10.695.238 đồng, hiện chị P còn nợ 13.571.429 đồng.

29. Cho chị Nguyễn Thị KH, sinh năm 1982, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 04 lần với tổng số tiền là 16.000.000 đồng, lãi suất 140%/năm, thu lãi là 1.525.715 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 197.778 đồng, thu lợi bất chính 1.327.937 đồng.

30. Cho chị Đặng Thị T, sinh năm 1975, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 04 lần với tổng số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất 140%/năm, thu lãi là 1.864.286 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 241.667 đồng, thu lợi bất chính 1.622.619 đồng.

31. Cho chị Lê Thị TH, sinh năm 1979, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 05 lần với tổng số tiền là 23.000.000 đồng, lãi suất 140%/năm, thu lãi là 2.605.715 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 337.778 đồng, thu lợi bất chính 2.267.937 đồng.

32. Cho chị Phan Thị Hồng Nh, sinh năm 1983, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 06 lần với tổng số tiền là 18.000.000 đồng, lãi suất 140%/năm, thu lãi là 1.941.429 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 251.667 đồng, thu lợi bất chính 1.689.762 đồng, hiện chị Nh còn nợ Ng là 1.821.429 đồng.

33. Cho anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1973, ngụ ấp Hòa An, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 01 lần với số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất 340%/năm, thu lãi là 1.700.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 94.444 đồng, thu lợi bất chính 1.605.556 đồng.

34. Cho chị Võ Kim L2 (Võ Thị Hồng), sinh năm 1978, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 06 lần với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, lãi suất 140%/năm, thu lãi là 1.088.571 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 141.111 đồng, thu lợi bất chính 947.460 đồng.

35. Cho chị Võ Thị Kim L3, sinh năm 1985, ngụ ấp Đông Hưng 1, xã Đông TH4nh, thị xã Bình Minh, T Vĩnh Long (nơi ở hiện tại: ấp Hòa Quới, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ) vay 03 lần với tổng số tiền là 105.000.000 đồng, lãi suất từ 100%/năm đến 140%/năm, thu lãi là 12.700.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 1.905.556 đồng, thu lợi bất chính 10.794.444 đồng.

36. Cho anh Đinh Phúc T, sinh năm 1976, ngụ ấp Hòa An, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 03 lần với tổng số tiền là 7.000.000 đồng, lãi suất từ 100%/năm đến 340%/năm, thu lãi là 1.825.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 170.833 đồng, thu lợi bất chính 1.654.167 đồng, hiện anh T còn nợ Ng là 3.875.000 đồng.

37. Cho chị Đồng Thị Mỹ Tr, sinh năm 1993, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 11.000.000 đồng, lãi suất 340%/năm, thu lãi là 1.950.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 108.333 đồng, thu lợi bất chính 1.841.667 đồng.

38. Cho chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1977, ngụ ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 01 lần với số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất 100%/năm, thu lãi là 400.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 8.333 đồng, thu lợi bất chính 391.667 đồng.

39. Cho chị Phạm P2 Đ3, sinh năm 1976, ngụ ấp P2 An, xã T Liễu, huyện Gò Quao, T Kiên Giang (chỗ ở hiện tại: ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 9.000.000 đồng, lãi suất từ 100%/năm đến 340%/năm, thu lãi là 1.520.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 195.556 đồng, thu lợi bất chính 1.324.444 đồng, hiện chị Đ3 còn nợ Ng là 4.000.000 đồng.

40. Cho chị Lê Thị Hiếu N, sinh năm 2001, ngụ ấp Phú Hội Xuân, xã Phú Long, huyện C, T Đ vay 01 lần với số tiền là 2.500.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 300.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 8.333 đồng, thu lợi bất chính 291.667 đồng, hiện chị N còn nợ 1.900.000 đồng.

41. Cho chị Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1992, ngụ ấp Phú TH1, xã Phú Long, huyện C, T Đ vay 01 lần với số tiền là 2.500.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 300.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 1.389 đồng, thu lợi bất chính 298.611 đồng.

42. Cho bà Lâm Minh H1, sinh năm 1966, ngụ ấp Phú TH1, xã Phú Long, huyện C, T Đ vay 01 lần với số tiền là 2.500.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 300.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 13.889 đồng, thu lợi bất chính 286.111 đồng.

43. Cho anh Phạm Văn C, sinh năm 1985, ngụ ấp Phú TH1, xã Phú Long, huyện C, T Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 600.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 41.667 đồng, thu lợi bất chính 558.333 đồng, hiện anh C còn nợ Ng là 2.000.000 đồng.

44. Cho bà Lê Thị P, sinh năm 1968, ngụ ấp Phú TH1, xã Phú Long, huyện C, T Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 2.000.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 239.999 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 14.444 đồng, thu lợi bất chính 225.555 đồng, hiện bà P còn nợ Ng là 960.000 đồng.

45. Cho anh Lâm Minh L, sinh năm 1971, ngụ ấp Phú TH1, xã Phú Long, huyện C, T Đ vay 01 lần với tổng số tiền là 2.500.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 300.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 16.667 đồng, thu lợi bất chính 283.333 đồng.

46. Cho chị Lê Thị Đ1, sinh năm 1970, ngụ ấp Phú Hội Xuân, xã Phú Long, huyện C, T Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 600.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 44.444 đồng, thu lợi bất chính 555.556 đồng, hiện chị Đ1 còn nợ Ng là 1.800.000 đồng.

47. Cho bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958, ngụ ấp Phú Hội Xuân, xã Phú Long, huyện C, T Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 600.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 38.889 đồng, thu lợi bất chính 561.111 đồng.

48. Cho chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976, ngụ ấp Phú Hội Xuân, xã Phú Long, huyện C, T Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 600.001 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 41.667 đồng, thu lợi bất chính 558.334 đồng, hiện chị Đ còn nợ Ng là 2.000.000 đồng.

49. Cho chị Lê Thị O, sinh năm 1975, ngụ ấp Phú Hội Xuân, xã Phú Long, huyện C, T Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 600.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 44.444 đồng, thu lợi bất chính 555.556 đồng.

50. Cho chị Lê Thị H1, sinh năm 1978, ngụ ấp Phú Hội Xuân, xã Phú Long, huyện C, T Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 615.278 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 40.278 đồng, thu lợi bất chính 575.000 đồng, hiện chị H1 còn nợ Ng là 2.100.000 đồng.

51. Cho ông Trần Văn Đông, sinh năm 1967, ngụ ấp Phú Hội Xuân, xã Phú Long, huyện C, T Đ vay 01 lần với số tiền là 2.500.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 813.740 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 20.883 đồng, thu lợi bất chính 279.167 đồng, hiện ông Đông còn nợ 1.000.000 đồng.

52. Cho anh Nguyễn H Q, sinh năm 1981, ngụ ấp Phú Hội Xuân, xã Phú Long, huyện C, T Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 600.001 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 43.056 đồng, thu lợi bất chính 556.945 đồng, hiện anh Q còn nợ 1.900.000 đồng.

53. Cho bà Nguyễn Thị Năm, sinh năm 1960, ngụ ấp Phú Hội Xuân, xã Phú Long, huyện C, T Đ vay 04 lần với tổng số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 1.200.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 72.222 đồng, thu lợi bất chính 1.127.778 đồng, hiện bà Năm còn nợ Ng là 4.800.000 đồng.

54. Cho anh Nguyễn Minh Luân, sinh năm 1988, ngụ ấp Phú Bình, xã Phú Hựu, huyện C, T Đ (nơi ở hiện tại: ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện C, T Đ) vay 04 lần với tổng số tiền là 21.000.000 đồng, lãi suất từ 140%/năm đến 160%/năm, thu lãi là 3.407.143 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 402.778 đồng, thu lợi bất chính 3.004.365 đồng, hiện anh Luân còn nợ Ng là 10.107.143 đồng.

55. Cho chị Nguyễn Thị Kim XuY, sinh năm 1988, ngụ ấp Phú Bình, xã Phú Hựu, huyện C, T Đ vay 01 lần với số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 600.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 38.889 đồng, thu lợi bất chính 561.111 đồng, hiện chị XuY còn nợ Ng 2.200.000 đồng;

56. Cho bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1967, ngụ ấp Phú Bình, xã Phú Hựu, huyện C, T Đ vay 02 lần với số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 600.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 47.222 đồng, thu lợi bất chính 552.778 đồng, hiện bà Ng còn nợ Ng là 900.000 đồng;

57. Cho chị Huỳnh Xuân K, sinh năm 1973, ngụ ấp Phú Bình, xã Phú Hựu, huyện C, T Đ vay 01 lần với số tiền là 1.000.000 đồng, lãi suất 200%/năm, thu lãi là 120.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 3.889 đồng, thu lợi bất chính 116.111 đồng, hiện chị K còn nợ Ng là 500.000 đồng;

58. Cho chị Phạm Kim P, sinh năm 1990, ngụ ấp Phú Bình, xã Phú Hựu, huyện C, T Đ vay 01 lần với số tiền là 2.500.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 300.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 6.944 đồng, thu lợi bất chính 293.056 đồng, hiện chị P còn nợ Ng là 2.000.000 đồng;

59. Cho anh Dương Văn E, sinh năm 1988, ngụ ấp Phú Bình, xã Phú Hựu, huyện C, T Đ vay 01 lần với số tiền là 2.000.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 240.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 13.333 đồng, thu lợi bất chính 226.667 đồng, hiện anh Em còn nợ Ng là 1.040.000 đồng;

60. Cho bà Huỳnh Thị U, sinh năm 1967, ngụ ấp Phú Bình, xã Phú Hựu, huyện C, T Đ vay 01 lần với số tiền là 2.500.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 300.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 16.667 đồng, thu lợi bất chính 283.333 đồng, hiện bà U còn nợ Ng là 700.000 đồng;

61. Cho bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1959, ngụ ấp Phú Bình, xã Phú Hựu, huyện C, T Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 2.000.000 đồng, lãi suất 160%/năm đến 340%/năm, thu lãi là 240.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 20.556 đồng, thu lợi bất chính 219.444 đồng, hiện bà S còn nợ Ng là 1.000.000 đồng;

62. Cho chị Tiền Cẩm P2, sinh năm 1979, ngụ ấp Phú Bình, xã Phú Hựu, huyện C, T Đ vay 01 lần với số tiền là 3.000.000 đồng, lãi suất 140%/năm, thu lãi là 128.572 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 16.667 đồng, thu lợi bất chính 111.905 đồng;

63. Cho chị Thái Ngọc Châu H1, sinh năm 1981, ngụ ấp Mỹ Hòa, xã Nguyễn Văn T, huyện Bình Tân, T Vĩnh Long vay 14 lần với tổng số tiền là 153.000.000 đồng, lãi suất từ 140%/năm đến 160%/năm, thu lãi là 4.475.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 502.778 đồng, thu lợi bất chính 3.972.222 đồng;

64. Cho chị Lê Thị Chính, sinh năm 1972, ngụ ấp Hòa Bình, xã Nguyễn Văn T, huyện Bình Tân, T Vĩnh Long vay 01 lần với số tiền là 14.000.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 5.250.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 583.333 đồng, thu lợi bất chính 4.666.667 đồng;

65. Cho chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1970, ngụ ấp Hòa Bình, xã Nguyễn Văn T, huyện Bình Tân, T Vĩnh Long vay 01 lần với số tiền là 2.000.000 đồng, lãi suất 160%/năm, thu lãi là 1.400.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo quy định là 155.556 đồng, thu lợi bất chính 1.244.444 đồng;

Như vậy, tổng số tiền gốc đã cho vay là **930.000.000 đồng**, trong đó tiền gốc Ng đã nhận lại từ người vay là **825.660.475 đồng** và tiền gốc 31 người vay chưa trả là **104.399.525 đồng**, tổng số tiền lãi theo quy định mà Ng đã nhận là **13.520.560 đồng**; tổng số tiền thu lợi bất chính là **99.179.246 đồng của 65** người, gồm: Trần Minh H là 5.000.000 đồng; Trương Thị L là 1.082.857 đồng; Đặng Thị U là 5.000.000 đồng; Đào Thu H1 là 8.571.429 đồng; Nguyễn Thị Kim P là 1.583.333 đồng; Ngô Minh N là 2.291.667 đồng; Từ Thị Kim Y là 607.143 đồng; Huỳnh Thị Hoàng D là 15.666.667 đồng; Nguyễn Thích N là 3.392.857 đồng; Đinh Thị L1 là 1.928.571 đồng; Nguyễn Thị P là 13.571.429 đồng; Phan Thị Hồng Nh là 1.821.429

đồng; Đinh Phúc T là 3.875.000 đồng; Phạm P2 Đ3 là 4.000.000 đồng; Lê Thị Hiếu N là 1.900.000 đồng; Phạm Văn C là 2.000.000 đồng; Lê Thị P là 960.000 đồng; Lê Thị Đ1 là 1.800.000 đồng; Nguyễn Thị Đ là 2.000.000 đồng; Lê Thị H1 là 2.100.000 đồng; Trần Văn Đông là 1.000.000 đồng; Nguyễn H Q là 1.900.000 đồng; Nguyễn Thị Năm là 4.800.000 đồng; Nguyễn Minh Luân là 10.107.143 đồng; Nguyễn Thị Kim XuY là 2.200.000 đồng; Nguyễn Thị Ng là 900.000 đồng; Huỳnh Xuân K là 500.000 đồng; Phạm Kim P là 2.000.000 đồng; Dương Văn E là 1.040.000 đồng; Huỳnh Thị U là 700.000 đồng; Nguyễn Thị S là 1.000.000 đồng.

Quá trình bắt quả tang Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Nguyễn Ngọc Ng các đồ vật, tài sản, tài liệu gồm:

- 04 quyển tập (ghi nội dung thông tin cho vay).
- 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đỏ.
- Tiền Việt Nam: 670.000 đồng;
- 01 xe mô tô B số kiểm soát 64K1-289.01, nhãn hiệu Future Fi, màu đỏ; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô B số 64K1-289.01 mang tên Nguyễn Thị Ngọc; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô B số 66C1-355.19 mang tên Lê Thị Thùy Linh; 01 giấy pHp lái xe hạng A1 số 860063005936 và 01 căn cước công dân số 087088013033 mang tên Nguyễn Ngọc Ng.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc Ng tự nguyện giao nộp số tiền trên người là 22.250.000 đồng. Quá trình điều tra xác định ngày 29/8/2022, Nguyễn Thị Ngọc là người đang chung sống như vợ chồng với Ng, đưa cho bị cáo Ng số tiền 22.250.000 đồng để mua đồ chơi trẻ em về bán. Chị Ngọc không biết Ng có H4nh vi cho vay nên không xử L.

Đối với các tài sản không liên quan đến vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, T Đ đã trao trả: 01 xe mô tô B số 64K1-28901, nhãn hiệu Future Fi, màu đỏ và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho chị Nguyễn Thị Ngọc, sinh năm 1985, ngụ ấp Hòa Bình, xã Nguyễn Văn T, huyện C, T Đ; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô B số 66C1-355.19 cho chị Lê Thị Thùy Linh, sinh năm 1989, ngụ ấp An Hưng, xã An Khánh, huyện C, T Đ; 01 giấy pHp lái xe hạng A1 số 860063005936 và 01 căn cước công dân số 087088013033 cho bị can Nguyễn Ngọc Ng;

Đối với Hồ Thanh Dũng, Nguyễn Thị Ngọc H1, Võ Văn Nhã, Lê Thị T, Nguyễn Văn N, Trần Thị D PH, Nguyễn Thị L3, Nguyễn Thị Hon, Nguyễn Thị S, Trần Văn Lâm, Nguyễn Đ Hòa, Lê Thị Cẩm Giang vay tiền của Nguyễn Ngọc Ng với mức lãi suất dưới 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên đây chỉ là giao dịch dân sự, không xem xét xử L;

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSTPĐ ngày 02/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo: Nguyễn Ngọc Ng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trong phần tranh luận đã giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị:

1. Về hình phạt chính:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 201, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Ng mức án từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

2. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng Khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Ngọc Ng từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng sung ngân sách NH4 nước;

3. Về xử L vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Buộc bị cáo Ng nộp lại số tiền gốc đã nhận lại từ người vay là 825.660.475 đồng sung ngân sách NH4 nước, vì đây là pH tiện dùng vào việc phạm tội.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Ng nộp lại 13.520.560 đồng để sung ngân sách NH4 nước do đây là số tiền do phạm tội mà có.

Tịch thu lưu hồ sơ 04 quyển tập (ghi nội dung thông tin cho vay).

Tịch thu sung vào ngân sách NH4 nước số tiền 670.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đỏ của bị cáo Ng là công cụ dùng vào việc phạm tội.

Trả lại số tiền 22.250.000 đồng thu giữ trên người của bị cáo Ng, vì đây là tiền của chị Ngọc đưa cho bị cáo Ng đi mua đồ chơi trẻ em;

4. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị, Hội đồng xét xử:

Buộc 30 người vay tiền còn chưa trả lại bị cáo Ng tổng cộng **104.399.525 đồng** để sung ngân sách NH4 nước, do đây là pH tiện dùng vào việc phạm tội;

Trao trả lại số tiền 99.179.246 đồng cho 65 người vay;

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật Tố tụng hình sự trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến, khiếu nại gì về H4nh vi, quyết định của các cơ quan tố tụng và người tiến H4nh tố

tung nên các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án là hợp pháp, đúng theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ H4nh vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời trình bày của người có quyền lợi, N vụ liên quan, vật chứng đã thu giữ được và các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Qua đó, có đủ cơ sở xác định: Mặc dù biết NH4 nước nghiêm cấm việc cho vay với lãi suất cao so với quy định nhưng vì mục đích vụ lợi nên Nguyễn Ngọc Ng Ng cho số điện thoại để những người dân có quen biết ở các xã Hòa Tân, An Khánh, Phú Long, Phú Hựu thuộc huyện C, T Đ và xã Nguyễn Văn T, huyện Bình Tân, T Vĩnh Long, để khi có nhu cầu vay tiền thì điện thoại cho Ng biết để thỏa thuận việc vay. Từ tháng 11/2021 đến ngày 30/8/2022, Ng đã cho 65 người vay, với mức lãi suất dao động từ 100%/năm đến 340%/năm, cao gấp từ 5 đến 17 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nhằm thu lợi bất chính tổng cộng 99.179.246 đồng để sử dụng cá nhân.

H4nh vi của bị cáo Nguyễn Ngọc Ng đủ yếu tố cấu tH4nh tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do đó, bị cáo Nguyễn Ngọc Ng phải chịu trách nhiệm hình sự về H4nh vi phạm tội của mình;

Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm H4nh chính về H4nh vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

[3] H4nh vi phạm tội của bị cáo Ng tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng H4nh vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, làm ảnh hưởng đến trật tự quản L kinh tế của NH4 nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa pH. bị cáo nhận tội, không tranh luận, không bào chữa. Xét thấy, phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng tính chất, H4nh vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử L bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo tH4nh công dân tốt, có ý thức chấp H4nh pháp luật, nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Tại Khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định;

“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm H4nh nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, buộc bị cáo nộp một khoản tiền để sung vào ngân sách NH4 nước.

[5] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:*

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tH4nh khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vì vậy cần áp dụng Điều i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần mức hình phạt đối với bị cáo Ng.

[6] Về xử L vật chứng: Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C; Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Ng nộp lại 13.520.560 đồng để sung ngân sách NH4 nước do đây là số tiền do phạm tội mà có;

Đối với số tiền gốc đã nhận lại từ người vay là 825.660.475 đồng buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Ng nộp lại sung ngân sách NH4 nước, vì đây là pH tiện dùng vào việc phạm tội;

Đối với số tiền 99.179.246 đồng bị cáo Nguyễn Ngọc Ng đã nhận tiền lãi suất đã vượt quy định, buộc bị cáo Ng nộp lại để trả lại cho 65 người vay;

Bị cáo Nguyễn Ngọc Ng trình bày số tiền 22.250.000 đồng khi bị bắt khám xét thu giữ trên người là tiền của vợ Nguyễn Thị Ngọc đưa cho bị cáo để mua H4ng hóa đồ chơi cho trẻ em; Qua thẩm vấn tại phiên tòa bị cáo và chị Ngọc không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nguồn tiền của chị Ngọc và mối quan hệ giữa bị cáo với chị Ngọc là vợ chồng; Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục quản L số tiền 22.250.000 đồng thu giữ trên người của bị cáo Ng để đảm bảo thi H4nh án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, buộc 30 người vay tiền còn chưa trả lại bị cáo Ng tổng cộng 104.399.525 đồng để sung ngân sách NH4 nước, do đây là pH tiện dùng vào việc phạm tội;

Trao trả lại số tiền 99.179.246 đồng cho 65 người vay;

[8] *Về án phí:* bị cáo Nguyễn Ngọc Ng phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 201, Điều i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Ngọc Ng phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc Ng 03 (Ba) năm cải tạo không giam giữ; Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi H4nh án hình sự, huyện C nhận được Quyết định thi H4nh án và bản sao Bản án,

Giao bị cáo Ng cho Ủy ban nhân dân xã Phú Hựu, huyện C và gia đình phối hợp giám sát giáo dục bị cáo Ng trong thời hạn cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp bị cáo Ng thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi H4nh án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Ng do đã áp dụng hình phạt bổ sung;

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào Khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Ng 50.000.000 đồng sung vào ngân sách nH4 nước;

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Buộc 30 người vay nộp lại tiền nợ gốc của bị cáo Nguyễn Ngọc Ng gồm:

1. Trần Minh H nộp lại 5.000.000 đồng
2. Trương Thị L nộp lại 1.082.857 đồng
3. Đặng Thị U nộp lại 5.000.000 đồng
4. Đào Thu H1 nộp lại 8.571.429 đồng
5. Nguyễn Thị Kim P nộp lại 1.583.333 đồng
6. Ngô Minh N nộp lại 2.291.667 đồng
7. Từ Thị Kim Y nộp lại 607.143 đồng
8. Huỳnh Thị Hoàng D nộp lại 15.666.667 đồng
9. Nguyễn Thích N nộp lại 3.392.857 đồng
10. Đinh Thị L1 nộp lại 1.928.571 đồng
11. Nguyễn Thị P nộp lại 13.571.429 đồng
12. Phan Thị Hồng Nh nộp lại 1.821.429 đồng
13. Đinh Phúc T nộp lại 3.875.000 đồng
14. Phạm P2 Đ3 nộp lại 4.000.000 đồng
15. Lê Thị Hiếu N nộp lại 1.900.000 đồng
16. Phạm Văn C nộp lại 2.000.000 đồng
17. Lê Thị Đ1 nộp lại 1.800.000 đồng
18. Nguyễn Thị Đ nộp lại 2.000.000 đồng

19. Lê Thị H1 nộp lại 2.100.000 đồng
 20. Trần Văn Đông nộp lại 1.000.000 đồng
 21. Nguyễn H Q nộp lại 1.900.000 đồng
 22. Nguyễn Thị Năm nộp lại 4.800.000 đồng
 23. Nguyễn Minh Luân nộp lại 10.107.143 đồng
 24. Nguyễn Thị Kim XuY nộp lại 2.200.000 đồng
 25. Nguyễn Thị Ng nộp lại 900.000 đồng
 26. Huỳnh Xuân K nộp lại 500.000 đồng
 27. Phạm Kim P nộp lại 2.000.000 đồng
 28. Dương Văn E nộp lại 1.040.000 đồng
 29. Huỳnh Thị U nộp lại 700.000 đồng
 30. Nguyễn Thị S nộp lại 1.000.000 đồng
- Tổng cộng: **105.339.525** đồng sung vào ngân sách NH4 nước.

Trao trả lại tiền thu lợi bất chính cho 65 người vay gồm;

1. Trần Thị T 1.045.556
2. Nguyễn Văn T 333.333
3. Võ Kim H 486.111
4. Trần Minh H 1.044.444
5. Trương Thị L 455.079
6. Trần Kim H 857.937
7. Đặng Thị U 5.005.556
8. Nguyễn Thị Tuyết M 455.079
9. Lâm Anh B 1.400.000
10. Trương Ngọc T 313.333
11. Nguyễn Thị H 1.205.556
12. Đào Thu H1 3.274.206
13. Nguyễn Thị Kim P 569.444
14. Từ Thị Kim O 134.286
15. Trương Thị U 711.111
16. Huỳnh Thu Tr 1.865.079

17. Nguyễn Thị Thanh 1.253.333
18. Ngô Minh N 451.389
19. Lữ Tú Tr 583.333
20. Trịnh Thị H 506.944
21. Từ Thị Kim Y 145.476
22. Nguyễn Thị L 783.333
23. Trần Thị T T1 1.005.556
24. Trần Phú H 354.365
25. Huỳnh Thị Hoàng D 15.211.111
26. Nguyễn Thích N 690.079
27. Đinh Thị L1 320.794
28. Nguyễn Thị P 10.695.238
29. Nguyễn Thị KH 1.327.937
30. Đặng Thị T 1.622.619
31. Lê Thị TH 2.267.937
32. Phan Thị Hồng Nh 1.689.762
33. Nguyễn Thanh H 1.605.556
34. Võ Thị Hồng 947.460
35. Võ Thị Kim L3 10.794.444
36. Đinh Phúc T 1.654.167
37. Đồng Thị Mỹ Tr 1.841.667
38. Nguyễn Thị Nh 391.667
39. Phạm P2 Đ3 1.324.444
40. Lê Thị Hiếu N 291.667
41. Lê Thị Ngọc D 298.611
42. Lâm Minh H1 286.111
43. Phạm Văn C 558.333
44. Lê Thị P 225.555
45. Lâm Minh L 283.333
46. Lê Thị Đ1 555.556

47. Nguyễn Thị T 561.111
48. Nguyễn Thị Đ 558.334
49. Lê Thị O 555.556
50. Lê Thị H1 575.000
51. Trần Văn Đông 279.167
52. Nguyễn H Q 556.945
53. Nguyễn Thị Năm 1.127.778
54. Nguyễn Minh Luân 3.004.365
55. Nguyễn Thị Kim XuY 561.111
56. Nguyễn Thị Ng 552.778
57. Huỳnh Xuân K 116.111
58. Phạm Kim P 293.056
59. Dương Văn E 226.667
60. Huỳnh Thị U 283.333
61. Nguyễn Thị S 219.444
62. Tiền Cẩm P2 111.905
63. Thái Ngọc Châu H1 3.972.222
64. Lê Thị Chính 4.666.667
65. Nguyễn Thị H4 1.244.444

Tổng cộng: **99.179.246** đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi H4nh án của người được thi H4nh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi H4nh án) cho đến khi thi H4nh án xong, bên phải thi H4nh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi H4nh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về xử L vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Đối với số tiền gốc đã nhận lại từ người vay là 825.660.475 đồng buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Ng nộp lại sung ngân sách NH4 nước, vì đây là pH tiện dùng vào việc phạm tội;

Buộc Nguyễn Ngọc Ng nộp lại số tiền lãi đã thu được của người vay Tong ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 13.520.560 đồng để sung ngân sách nH4 nước do đây là số tiền do phạm tội mà có.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Ng nộp lại 99.179.246 đồng tiền thu lãi suất vượt quá quy định pháp luật, để trả lại cho 65 người vay;

Tịch thu lưu hồ sơ 04 quyển tập (ghi nội dung thông tin cho vay).

Tịch thu sung vào ngân sách NH4 nước số tiền 670.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đỏ của bị cáo Ng là công cụ dùng vào việc phạm tội.

Tiếp tục quản L số tiền 22.250.000 đồng thu giữ trên người của bị cáo Ng để đảm bảo thi H4nh án.

(Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đang quản lý theo quyết định chuyển vật chứng số 09/ QĐ-VKS ngày 02/02/2023).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016:

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Ng nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi H4nh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi H4nh án dân sự thì người được thi H4nh án dân sự, người phải thi H4nh án dân sự có quyền thỏa thuận thi H4nh án, quyền yêu cầu thi H4nh án, tự nguyện thi H4nh án hoặc bị cưỡng chế thi H4nh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi H4nh án dân sự; thời hiệu thi H4nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi H4nh án Dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân T Đ.

Riêng **người có quyền lợi, N vụ liên quan** vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T Đ;
- VKSND T Đ;
- VKSND huyện C;
- CA huyện C
- Bị cáo, NLQ;
- THADS huyện C;
- Sở T pháp;
- Lưu;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hùng

